

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Quan hệ quốc tế tại Khoa Quốc tế - Đại học Huế**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-ĐHH ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1795/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-ĐHH ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc mở ngành Quan hệ quốc tế hệ chính quy trình độ đại học;

Theo đề nghị của Quyền Khoa trưởng Khoa Quốc tế - Đại học Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ quốc tế (Mã số: 7310206) tại Khoa Quốc tế - Đại học Huế.

(Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đính kèm)

Điều 2. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo này áp dụng cho khoá tuyển sinh từ năm 2020 trở về sau.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, Quyền Khoa trưởng Khoa Quốc tế - Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHH (để b/c);
- Lưu: VT, KQT.NTH.



Đỗ Thi Xuân Dung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ
TẠI KHOA QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC HUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2182/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo (bằng tiếng Việt): Quan hệ quốc tế
2. Tên chương trình đào tạo (bằng tiếng Anh): International Relations
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Hình thức đào tạo: Chính quy
5. Mã ngành đào tạo: 7310206
6. Thời gian đào tạo: 42-48 tháng
7. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
8. Số tín chỉ yêu cầu tối thiểu: 117 (Không bao gồm các tín chỉ về ngoại ngữ không chuyên, giáo dục an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất)
9. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân
10. Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định tại Quyết định 900/QĐ-ĐHH ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Đại học Huế.
11. Đơn vị cấp bằng: Đại học Huế

B. CHUẨN ĐẦU RA

1. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo cử nhân ngành Quan hệ Quốc tế có trình độ chuyên môn về lĩnh vực quan hệ quốc tế, những kiến thức cơ bản về lịch sử - chính trị thế giới hiện đại; kiến thức về khoa học chính trị; kiến thức cơ bản về luật quốc tế; nắm vững chính sách đối ngoại của Việt Nam; hiểu biết về chính sách đối ngoại các nước lớn trên thế giới. Bên cạnh khối kiến thức chuyên môn, kỹ năng và ngoại ngữ luôn được chú trọng trong quá trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế, sinh viên sẽ được trau dồi những kỹ năng như kỹ năng đối ngoại, đàm phán; đánh giá các vấn đề quốc tế, kỹ năng nghiệp vụ đối ngoại. Chương trình được thiết kế phù hợp, khoa học để đáp ứng với chuẩn quốc tế và có tính liên thông cao với các chương trình trong và ngoài nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

- Sinh viên phải nắm vững những kiến thức cơ bản về quốc tế học (quan hệ quốc tế, về kinh tế và luật pháp quốc tế, về lịch sử và văn hóa thế giới, ...), về khu vực châu Á – Thái Bình Dương, Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản.

- Hiểu và phân tích về chính sách, quan hệ đối ngoại của Việt nam, các chính sách, thể chế liên quan hiện đang được các quốc gia trên thế giới áp dụng trong xu hướng hội nhập kinh tế toàn cầu từ đó dự báo các hoạt động kinh tế, thương mại và tài chính quốc tế.

- Nghiên cứu, giải thích, tổ chức thực hiện và giải quyết được các vấn đề liên quan trong lĩnh vực Quan hệ quốc tế.

- Nắm vững các phương pháp nghiên cứu các vấn đề quốc tế, phương pháp giao tiếp quốc tế.

2.2. Kỹ năng

- Trong quá trình đào tạo, sinh viên chuyên ngành Quan hệ quốc tế sẽ được trang bị những kỹ năng cứng như khả năng lập luận, tư duy, phân tích, nghiên cứu và dự báo để thực hiện được các công việc liên quan trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. Đáp ứng yêu cầu theo điều 27-Quy chế đào tạo

ĐH&CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Ngoài ra trong quá trình đào tạo sinh viên chuyên ngành này còn được rèn luyện những kỹ năng mềm như khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực Quan hệ quốc tế.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực về dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Quan hệ quốc tế, có sáng kiến trong nhiệm vụ được giao, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau.

- Sinh viên chuyên ngành Quan hệ quốc tế được rèn luyện với thái độ ham học hỏi, cầu tiến, có ý thức trách nhiệm, luôn làm tròn nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng quy định về thời gian, quy tắc làm việc.

- Tự học tập nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng các yêu cầu mới. Có tinh thần xây dựng cải tiến cách thức làm việc để đạt hiệu quả cao hơn và chấp hành quy định của pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Phân cấp thang đo trình độ năng lực

Nhóm	Trình độ năng lực	Mô tả
1. Biết	0.0 – 2.0 (I)	Có biết qua/có nghe qua
2. Hiểu	2.0 – 3.0 (II)	Có hiểu biết/có thể tham gia
3. Ứng dụng	3.0 – 3.5 (III)	Có khả năng ứng dụng
4. Phân tích	3.5 – 4.0 (IV)	Có khả năng phân tích
5. Tổng hợp	4.0 – 4.5 (V)	Có khả năng tổng hợp
6. Đánh giá	4.5 – 5.0 (VI)	Có khả năng đánh giá và sáng tạo

3.2. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ
PLO 1	Kiến thức	
PLO 1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO 1.1.1	Kiến thức về giáo dục chính trị	(I), (II), (III), (IV)
PLO 1.1.2	Kiến thức về an ninh quốc phòng	(I), (II)
PLO 1.1.3	Kiến thức về giáo dục thể chất	(I), (II)
PLO 1.1.4	Kiến thức về ngoại ngữ	(I), (II), (III), (IV)
PLO 1.1.5	Kiến thức về công nghệ thông tin	(I), (II), (III)
PLO 1.1.6	Kiến thức về pháp luật	(I), (II), (III)
PLO 1.2	Kiến thức cơ sở ngành	
PLO 1.2.1	Phân tích, vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế học (kinh tế vi mô 1 và vĩ mô 1) để nhận diện và giải thích được các vấn đề, hiện tượng và sự biến động kinh tế - xã hội; Vận dụng các kiến thức cơ bản liên quan đến kế toán và quản trị để làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho kiến thức ngành Quan hệ quốc tế.	(I), (II), (III), (IV)
PLO 1.2.2	Phân tích, vận dụng các kiến thức về nhập môn Quan hệ quốc tế, hiểu về công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế để xác định một số vấn đề về quan hệ kinh tế, quốc tế hiện đại và lịch sử ngoại giao Việt Nam	(I), (II), (III), (IV)
PLO 1.3	Kiến thức chuyên ngành	
PLO 1.3.1	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu liên quan đến chuyên ngành Chính trị quốc tế (quyền con người, toàn cầu	(I), (II), (III), (IV)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ
	hoá, ASEAN, chủ nghĩa tư bản hiện đại, địa chính trị, địa chiến lược) kết hợp với kiến thức về chính sách đối ngoại các nước lớn (Trung Quốc, Nhật Bản và Mỹ) để tìm hiểu và phân tích các chính sách, thể chế đối ngoại liên quan hiện đang được các quốc gia trên thế giới áp dụng trong xu hướng toàn cầu hoá, từ đó dự báo các hoạt động kinh tế, thương mại và chính trị quốc tế.	
PLO 1.3.2	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu liên quan đến chuyên ngành Kinh tế quốc tế (đầu tư quốc tế và quản lý dự án quốc tế để quản lý, phân tích và lựa chọn dự án đầu tư giữa các quốc gia) kết hợp với việc vận dụng thành thạo các kiến thức và kỹ năng về đàm phán kinh doanh quốc tế, bảo hiểm, luật thương mại quốc tế, và thanh toán quốc tế để giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	(I), (II), (III), (IV)
PLO 1.3.3	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu liên quan đến chuyên ngành Luật thương mại quốc tế (luật sở hữu trí tuệ, luật thương mại, luật dân sự, luật cạnh tranh) kết hợp với các kiến thức và kỹ năng về hợp đồng thương mại và đầu tư để hiểu các bộ luật và chính sách có liên quan đến luật quốc tế, tập trung vào phân tích mối quan hệ quốc tế.	(I), (II), (III), (IV)
PLO 1.3.4	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu liên quan đến chuyên ngành Truyền thông quốc tế (nhập môn quan hệ công chúng, tiếp thị và sự kiện, truyền thông trực tuyến) kết hợp với các kỹ năng và kiến thức về tổ chức sự kiện, tâm lý học truyền thông, thương hiệu để xác định các thông tin đối ngoại, nội dung cho báo chí từ đó giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực truyền thông quốc tế.	(I), (II), (III), (IV)
PLO 1.3.5	Vận dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp đã được học để tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích và giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động quan hệ quốc tế trong thực tiễn và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động này.	(I), (II), (III), (IV), (V)
PLO 2	Kỹ năng	
PLO 2.1	Kỹ năng cứng	
PLO 2.1.1	Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề. Có khả năng lập luận tốt logic, tư duy theo hệ thống và giải quyết vấn đề liên quan đến quan hệ quốc tế	(I), (II), (III), (IV), (V)
PLO 2.1.2	Có khả năng nghiên cứu, khám phá và phân tích các chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế	(I), (II), (III), (IV), (V)
PLO 2.1.3	Kỹ năng tìm kiếm, phát hiện cơ hội đầu tư trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, hiểu và giải quyết các tranh chấp và mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế dựa trên luật quốc tế và chính trị quốc tế.	(I), (II), (III), (IV), (V)
PLO 2.1.4	Có khả năng phân tích định tính, định lượng và có khả năng phân tích, tổng hợp thông tin, cũng như hình thành các ý tưởng về nội dung truyền thông quốc tế.	(I), (II), (III), (IV), (V)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ
PLO 2.2	Kỹ năng mềm	
PLO 2.2.1	Kỹ năng làm việc nhóm. Có kỹ năng làm việc theo nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và có khả năng làm việc với các nhóm khác nhau	(I), (II), (III), (IV)
PLO 2.2.2	Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ (tiếng Anh) trong giao tiếp và thực hiện công việc.	(I), (II), (III), (IV)
PLO 2.2.3	Kỹ năng hoạt động độc lập. Có khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu khoa học độc lập; tự quản trị thời gian và kế hoạch công việc và học tập	(I), (II), (III), (IV)
PLO 3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO 3.1	Tự chủ và trách nhiệm cá nhân. Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, chấp nhận rủi ro trong công việc. Có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, say mê và khả năng đàm phán, phản biện các vấn đề liên quan đến Quan hệ quốc tế.	(I), (II), (III), (IV)
PLO 3.2	Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp. Có năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với nghề nghiệp, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.	(I), (II), (III), (IV)
PLO 3.3	Tự chủ và trách nhiệm với xã hội. Luôn tuân thủ theo pháp luật, ủng hộ và bảo vệ cái đúng, có năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với xã hội.	(I), (II), (III), (IV)

C. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học phần bắt buộc
Kiến thức giáo dục đại cương (chọn 27/30 tín chỉ: 17 bắt buộc, 10 tự chọn)				
1	KQTTT02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	x
2	LLCTTH3	Triết học Mác - Lênin	3	x
3	KTVM01	Kinh tế vi mô 1	2	
4	XHH4292	Phát triển học	2	
5	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	x
6	KTPT2103	Kinh tế phát triển	3	
7	XHH4072	Xã hội học chính trị	2	
8	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x
9	KTVM02	Kinh tế vĩ mô 1	2	
10	QH1214	Lễ tân Ngoại giao	2	
11	KQT002	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế	2	x
12	LTCTTT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x
13	CTR3012	Lịch sử Tư tưởng chính trị phương Đông và phương Tây	2	x
14	LLCTLS2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	x
Khối kiến thức cơ sở ngành (chọn 24/24 tín chỉ: 24 bắt buộc, 0 tín chỉ tự chọn)				
15	QH2318	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	x
16	ITS1100	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	x

17	QH2220	Một số vấn đề về quan hệ kinh tế, quốc tế hiện đại từ 1945 đến nay	2	x
18	QH2222	Lịch sử ngoại giao Việt Nam từ 1945 đến nay	2	x
19	LIS4152	Quan hệ quốc tế toàn cầu từ 1945 đến nay	2	x
20	LKT2213	Công pháp quốc tế	3	x
21	LUA103040	Tư pháp quốc tế	3	x
22	QH2325	Kinh tế quốc tế	3	x
23	QH2326	Kinh tế đầu tư	3	x
Khối kiến thức chuyên ngành (chọn 50/56 tín chỉ: 28 bắt buộc, 22 tự chọn)				
24	QH3227	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ 1945 đến nay	2	
25	QH3228	Quyền con người	2	
26	QH3230	Chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ 1945 đến nay	2	
27	QTH3162	ASEAN	2	
28	QH3229	Toàn cầu hóa	2	
29	QH3232	Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ 1949 đến nay	2	
30	QH3233	Địa chính trị và địa chiến lược	2	
31	QH3234	Một số vấn đề về quan hệ quốc tế khu vực Châu Á- Thái Bình Dương	2	
32	QH3235	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	2	
33	KQTMA12	Nhập môn Marketing	2	x
34	QH4269	Pháp luật xuất nhập khẩu qua biên giới	2	
35	KQTTT14	Truyền thông Marketing tích hợp	3	x
36	QH4267	Lịch sử pháp luật thế giới	2	
37	KTPT4183	Quản lý dự án quốc tế	3	x
38	QH4260	Văn hóa giao tiếp và giao tiếp xuyên văn hóa	2	x
39	QH4264	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	2	x
40	QH4265	Hợp đồng thương mại quốc tế	2	x
41	LUA112062	Pháp luật về thị trường lao động	2	
42	QH4266	Phương pháp nghiên cứu lịch sử ngoại giao	2	
43	QH4268	Kinh tế Việt Nam từ đổi mới	2	
44	QH5272	Tiếng Anh chuyên ngành quan hệ quốc tế I	2	x
45	QH5273	Tiếng Anh chuyên ngành quan hệ quốc tế II	2	x
46	QH5274	Dịch văn bản và tin tức quan hệ quốc tế: Anh - Việt	2	x
47	QH5371	Diễn Thuyết/Thuyết trình tiếng Anh	3	x
48	QH5275	Dịch văn bản và tin tức Quan hệ quốc tế: Việt - Anh	2	x
49	QH5376	Viết học thuật	3	x
Thực tập nghề (chọn 8/8 tín chỉ: 8 bắt buộc, 0 tự chọn)				
50	QH6478	Thực tập nghề nghiệp ngoài nước	4	x
51	QH6477	Thực tập nghề nghiệp trong nước	4	x

Khóa luận tốt nghiệp hoặc chuyên đề thay thế (chọn 10/20 tín chỉ)				
52	QH7481	Chuyên đề tổng hợp	4	
53	QH7680	Chuyên đề thực tập cuối khóa	6	
54	QHTN	Khóa luận tốt nghiệp	10	

Chương trình đào tạo trên chưa bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ không chuyên, giáo dục thể chất và an ninh quốc phòng.

